

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **90/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 11 - 9 - 2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Đinh Thị Bích Liễu .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch và bà Hoàng Thị Hồng Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 8 năm 2020 và ngày 11 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 439/2020/TLST- HNGĐ ngày 11/6/2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/7/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 66A/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 66B/2020/QĐST-DS ngày 28/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Chặc Sám M, sinh năm 1992; HKTT: Ấp A, xã A1, huyện T, tỉnh Đ; Cư trú: 54/2, Khu 2, ấp B, xã B1, huyện T, tỉnh Đ. (vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Huỳnh Lôi D, sinh năm 1990; HKTT: Ấp A, xã A1, huyện T, tỉnh Đ; Cư trú: Ấp B3, xã B1, huyện T, tỉnh Đ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Chặc Sám M và ông Huỳnh Lôi D kết hôn tự nguyện và ngày 16/5/2013 được Ủy ban nhân dân xã A1, huyện T, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xúc phạm nhau, từ cuối năm 2019 đến nay vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay bà M xin được ly hôn với ông D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Huỳnh Kim P, sinh ngày 23/8/2013, hiện cháu P đang sống với bà M. Khi ly hôn, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu P và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Bà M khai không có.

Do bị đơn ông Huỳnh Lôi D đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ, vắng mặt không có lý do tại phiên hòa giải, phiên tòa nên ông D không có ý kiến trình bày trong vụ án này.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom: Tòa án thu thập chứng cứ đầy đủ, Hội đồng xét xử đúng quy định bảo đảm quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà M; Tài sản chung: Bà M không yêu cầu giải quyết. Con chung: giao cho Bà M nuôi con, Bà M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Nợ chung: Bà M khai không có. Buộc bà M nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Chắc Sám M và ông Huỳnh Lôi D kết hôn không vi phạm điều kiện kết hôn và ngày 16/5/2013 được Ủy ban nhân dân xã A1, huyện T, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Bà M cho rằng: Vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không còn tôn trọng nhau nên từ cuối năm 2019 đến nay vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Lời khai của bà M phù hợp với nội dung biên bản xác minh của Tòa án (BL 16). Ngoài ra, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông D đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp, hòa giải, phiên tòa nhưng ông D đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông D ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà M xin ly hôn với ông D là có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu nuôi con chung của bà M thì thấy: Hiện cháu Huỳnh Kim P, sinh ngày 23/8/2013 đang sống với bà M; Cháu P có nguyện vọng được sống với bà M; Chính quyền địa P cho biết từ trước đến nay Bà M nuôi con tốt (BL 16). Khi ly hôn, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5] Về nợ chung: Bà M khai không có.

[6] Về án phí: Bà M phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ-ST, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát đề nghị là có cơ sở nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Xử cho bà Chặc Sám M và ông Huỳnh Lôi D ly hôn.
- Về con chung: Giao cháu Huỳnh Kim P, sinh ngày 23/8/2013 cho bà Chặc Sám M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà M không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Bà M khai không có.
- Về án phí: Bà Chặc Sám M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí, theo biên lai thu số 0007358 ngày 11/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà M đã nộp đủ tiền án phí.
- Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.
- Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai ;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THA DS cùng cấp;
- UBND xã A1, huyện T, tỉnh Đ (GCNKH ngày 16/5/2013);
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Thị Bích Liễu